



Tài chính công của Việt Nam trong những năm gần đây, được điều khiển theo nguyên tắc quân bình ngân sách, giới hạn chi ngân sách, giới hạn sự ứng vốn thành lập công ty quốc doanh lớn. Phần nhiều các công ty quốc doanh hay các dự án sản xuất trong thời kỳ 1991-92 đến 1996 được giới hạn trong lãnh vực hạ tầng cơ sở, điện, nước, giao thông. Nhà nước không chủ trương lập các xí nghiệp lớn để đẩy mạnh việc công nghiệp hoá, hiện đại hoá như làm xe ô tô, máy vi tính, sản xuất xe Honda, v.v.... Phối hợp với chính sách tiền tệ ngân hàng tỷ giá thấp, nhập khẩu tăng

nhANH hơn xuất khẩu, giới hạn tín dụng cấp phát cho các xí nghiệp và cho nhà nước, lãi suất cao, - tài chính công Việt Nam được xây dựng trên nguyên tắc quân bình chi thu, chống lạm phát và ổn định giá cả.

Chính sách trên đây đã cho phép phát triển khá nhanh từ 1991 đến 1995. Tuy nhiên, từ tháng 5.1996 đã xuất hiện một số yếu tố mới, như giá âm trong 4 tháng liền (một việc chưa từng xảy ra ở Việt Nam). Kể đó giá tăng chút đỉnh trong dịp Noel và Tết, nhưng tháng 3 -4-5. 1997, mặc dù tháng 3 1997 ngân hàng đã tăng tỷ giá lên khoảng 500 đồng/USD, nhưng giá vẫn âm 3 tháng liền. Lập luận của một số tác giả cho rằng nếu tăng tỷ giá thì giá cả sẽ tăng vọt đã không được kiểm chứng. Từ 1.1.1977 đến tháng 6.1977 giá chỉ tăng 1%, đây là mức tăng giá thấp nhất ở Việt Nam cho đến nay. Cùng với tình hình giá cả sụt hay không tăng, đã xuất hiện một số sự kiện không bình thường từ tháng 5. 1996 và tiếp tục kéo dài

TÀI CHÍNH CÔNG VÀ PHÂN VINH KINH TẾ

TS. LÊ KHOA



trong 6 tháng đầu năm 1997 : như GDP năm 1995 tăng 9,5 %, năm 1996 chỉ còn tăng 9,3%, 6 tháng đầu năm 1997 chỉ tăng 9,1 %. Mãi lực quần chúng nhân dân giảm mạnh, hàng hóa tồn kho tăng vọt, nhất là trong lãnh vực xi măng, thép, giấy, giá điều, gạo ĐBSCL giảm, giá khoai mì sụt nặng khiến cho nông dân trồng mì lỗ nặng. Giá gà công nghiệp có thể coi như chỉ số mãi lực quần chúng. Vì khi mãi lực quần chúng tăng thì giá gà công nghiệp tăng. Giá gà công nghiệp rớt xuống những tháng gần đây chứng tỏ rằng mãi lực quần chúng giảm chứ không tăng. Giá nhà đất sụt, hàng loạt xí nghiệp, trong đó có nhiều xí nghiệp lớn tại TP Hồ Chí Minh như Epcó, Minh Phụng, Công ty May Xuất Khẩu Quận 3, Công ty Vật Tư Tổng Hợp Quận 3 TP Hồ Chí Minh, Thành Công v.v.... bị phá sản, số du khách, đầu tư quốc tế có khuynh hướng giảm, nhiều ngành bị lỗ như nuôi cá bè An Giang, nông dân Đồng Bằng Sông Cửu Long tuy được mùa nhưng không

vui vì giá thấp và vụ hè thu 1977 có nhiều khó khăn, ước sản lượng lúa vụ hè thu 1997 sẽ không bằng vụ hè thu 1996 v.v....

Tình hình biến chuyển khó khăn trên đây được Đảng và Nhà nước theo dõi khít khao và hàng tháng Văn phòng chính phủ đều có thông báo các biện pháp để tháo gỡ các khó khăn, đẩy mạnh nhịp phát triển trở lại. Tỷ như về nhập khẩu, trong các tháng còn lại của năm 1997, sẽ không nhập khẩu xe gắn máy toàn chiếc, giới hạn nhập xe ô tô, không nhập khẩu thêm xi măng, giấy, các loại sắt đã chế tạo được ở Việt Nam. Ngân hàng nhà nước đã ra thông tư cho các xí nghiệp vay tiền không cần thế chấp tài sản đối với các xí nghiệp thu mua lúa gạo ở DBSCL và mua điều, đối với các xí nghiệp khác, các số tiền cho vay sẽ được cấp nếu xí nghiệp kinh doanh có hiệu quả, tỷ giá đã được nâng cao 500 đồng tháng 3.1997 : đây là lần đầu tiên, từ 1992, tỷ giá nhích lên đôi chút. Lãi suất ngân hàng đã được giảm, hiện lãi suất cho vay khoảng 1% tháng. Cuối tháng 6, sau 2 ngày làm việc về những khó khăn kinh tế hiện nay, Văn phòng chính phủ đã loan báo các biện pháp để đẩy mạnh nhịp phát triển :

- giảm thuế nhập khẩu linh kiện rời hàng điện tử, giúp đỡ các xí nghiệp làm quạt máy, xe đạp, hàng điện tử, hàng gia dụng,
- chống buôn lậu tích cực hơn : yêu cầu các địa phương tìm cách ngăn chặn nạn hàng nhập khẩu lậu,
- tăng giá mãi lực quần chúng,
- cấp vốn nhanh cho xây dựng cơ bản, hạ tầng cơ sở, cấp vốn cho các thành phần Việt Nam lãnh thầu các công trình ODA.
- cấp vốn cho một số công trình giao thông vận tải, dẫn thủy nhập điền, khai thông một số kinh để thoát bớt lũ qua Vĩnh Thái Lan,
- khuyến khích đầu tư các vùng ít phát triển như Tây Nguyên, DBSCL, DBSH,
- cấp vốn cho nông dân và các xí nghiệp,
- cấp vốn cho chương trình đánh cá xa bờ.

Qua các biện pháp trên, thấy rõ nhà nước đã tìm những biện pháp hữu hiệu hơn để đẩy mạnh nhịp phát triển kinh tế.

Chúng tôi xin góp thêm một số ý kiến như sau về chính sách vĩ mô tài chính công :

Trong các giai đoạn lạm phát, chính sách vĩ mô tài chính công có mục tiêu chống lạm phát nên việc giới hạn chi tiêu nhà nước, việc ngân hàng không cho nhà nước vay hay giới hạn số tiền vay, việc nhà nước giảm đầu tư xây dựng các nhà máy là cần thiết. Tuy nhiên, mục tiêu chống lạm phát

ngày nay đã vượt yêu cầu. Do đó, cần áp dụng chính sách Keynes dùng kiềm hãm ngân sách để tăng đầu tư, tăng mãi lực quần chúng nhân dân và để giải quyết nạn ứ đọng hàng hóa tồn kho.

Thí dụ như ngành sắt và xi măng hiện nay đang lâm vào cảnh sản xuất thừa. Nếu tận dụng hết công suất, Việt Nam có thể sản xuất năm 1997 là 10 triệu tấn xi măng và trên 1,7 triệu tấn sắt thép. Trên thực tế sản xuất khó vượt qua 7 triệu tấn xi măng và 1 triệu tấn thép, do lượng tồn kho sắt trên 200.000 tấn và xi măng khoảng 500.000 tấn hiện nay. Các xí nghiệp sắt và xi măng tự giới hạn sản xuất, để Cung tự thích ứng với Cầu, do Cầu sắt thép xi măng có khuynh hướng khủng lại trong năm 1996 -97, các lượng hàng tồn kho tăng và giá sụt xuống. Việc ngưng nhập khẩu sắt (các chủng loại đã chế tạo được) và xi măng chỉ giải quyết được khoảng 400.000 tấn thép và khoảng 1 triệu tấn xi măng, nhưng sản lượng thừa của Việt Nam có thể vượt trên số lượng này nhiều.

Việc sắt thép, xi măng bán chậm, giá không cao ảnh hưởng không những đến sản lượng sắt thép và xi măng, mà còn làm giảm khuynh hướng đầu tư trong 2 ngành này, ảnh hưởng xấu đến tốc độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá Việt Nam. Nói một cách khác, nếu như xi măng sắt bán chậm, giá thấp, sản lượng sắt thép xi măng năm 1997 chỉ đạt khoảng 7 triệu tấn xi măng, 1 triệu tấn thép và sản lượng sắt xi măng khó đạt 30 triệu tấn và sắt 10 triệu tấn năm 2005, còn nếu như xi măng sắt bán chạy và giá cao, công suất sản xuất sẽ được sử dụng tối đa và hết : Việt Nam không những đạt trên 10 triệu tấn xi măng, 1,7 triệu tấn thép năm 1997 mà sản lượng 30 triệu tấn và sắt 10 triệu tấn dự trù cho năm 2005 cũng được vượt qua do khuynh hướng đầu tư trong 2 ngành sẽ tăng mạnh.

Để đạt các mục tiêu trên, chúng ta không thể trông vào việc phát triển ngành xây dựng tư nhân, được kích thích mạnh từ 1991 đến 1995 do giá nhà và đất tăng vọt, đầu tư trong ngành khách sạn tăng : năm 1996-97 giá nhà đất đã sụt khoảng 30% do đó ảnh hưởng đến nhịp độ xây cất. Cũng không nên trông chờ đầu tư xây cất các khách sạn, vì số phòng cho du khách thuê đã dư và số du khách giảm năm 1997 so với năm 1996. Vậy chỉ còn phương pháp là tăng đầu tư nhà nước để xây một loạt nhà, bán góp cho công nhân, làm các công trình "ngốn xi măng, sắt xây dựng" như các cầu tàu cho các cảng sâu, xây các khu công nghiệp, v.v.... với tiền ứng trước của Ngân hàng nhà nước và với

kiềm hãm ngân sách.

Thật ra số xi măng vài triệu tấn và sắt khoảng 1 triệu tấn so với nhu cầu phát triển nhanh, xây dựng ở Việt Nam đâu có đủ thỏa mãn các nhu cầu phát triển nhanh? Nhưng so với các số đầu tư "có lãi về xây dựng" và có khả năng "bán nhà đất với giá cao" thì rõ ràng Cung trong nền kinh tế thị trường đã quá dư. Mặc dù hiện nay, giá xi măng, sắt xây dựng hạ xuống, nhưng nền Ngân hàng nhà nước ứng tiền cho nhà nước và nhà nước tung tiền này - với quy mô đủ - để xây nhà, xây các cảng, khu công nghiệp thì số sắt, xi măng dư thừa sẽ trở nên thiếu ngay.

Điều cần thiết là phải thay đổi chính sách khi tình hình kinh tế đã biến đổi. Khi tình hình đang lạm phát tăng, cần chính sách chống lạm phát. Khi tình hình thiếu phát, tài chính công phải dùng kiềm hãm ngân sách và các chương trình đại đầu tư thích hợp để tăng số cầu và tạo thêm mãi lực, công ăn việc làm. Ngoài lãnh vực xây cất, nhà ở, để giải quyết sản xuất "thừa" sắt xây dựng, xi măng, cũng cần đẩy mạnh việc lập một số xí nghiệp như làm phụ tùng xe ô tô, xe gắn máy, máy điều hòa không khí, máy vi tính, những ngành này có ảnh hưởng rất mạnh đến tốc độ công nghiệp hoá hiện đại hoá nên khi khu vực tư không đủ vốn kỹ thuật để làm thì nhà nước xây dựng, phải làm mới công nghiệp hoá, hiện đại hoá được Việt Nam.

Đồng thời, khi chính sách tài chính công đã từ chống lạm phát chuyển sang chống thiếu phát, thì chính sách tiền tệ ngân hàng cũng phải cùng chung mục tiêu chống thiếu phát. Tỷ như cho nhà nước vay để thực hiện các cần công trình đại đầu tư, tăng tỷ giá, giảm bớt nhập khẩu nhất là nhập khẩu các loại hàng đã chế tạo ở Việt Nam, hạ thêm lãi suất cho vay v.v....

Tài chính công và tiền tệ ngân hàng không phải bất biến, mà thay đổi hàng tháng tùy theo tình hình giảm hay lạm phát, đình đốn hay phồn vinh. Như vậy, chúng tôi thiết tưởng việc đẩy nhịp tăng GDP lên 12-13% năm là một việc hoàn toàn có thể được, nếu chính sách tài chính công và tiền tệ ngân hàng được thay đổi tùy theo sự biến đổi của các chỉ tiêu kinh tế quốc gia, như tình hình lạm phát đòi hỏi các biện pháp chống lạm phát, còn tình hình thiếu phát đòi hỏi các biện pháp chống thiếu phát, không thể dùng các biện pháp đã tỏ ra tốt trong giai đoạn lạm phát ứng dụng cho giai đoạn thiếu phát hiện nay ■